

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06/01/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Trịnh Văn Bé;
  2. Ông Nguyễn Văn Trí.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lắm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 738/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 601/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 552/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Tú Q, sinh năm 1993; địa chỉ: số A, tổ A, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

***Bị đơn:*** Ông Lê Trần V, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Tú Q trình bày, qua thời gian tự tìm hiểu, bà Q và ông Lê Trần V kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 22/01/2020. Trong thời gian chung sống,

vợ chồng có sinh 01 con chung tên Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 01/02/2021. Hiện tại, cháu V1 đang được bà Q nuôi dưỡng.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6/2021 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác, có con riêng. Bà Q và ông V không còn sống chung từ tháng 6/2021 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông V; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo V1, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vào ngày 14/11/2022, bà Q rút lại yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi dạy con chung theo quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 22/01/2020 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Tú Q và ông Lê Trần V (bản chính); Giấy khai sinh số 43, ngày 04/02/2021 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp đối với Lê Thị Thảo V1 (bản sao).

- Bị đơn ông Lê Trần V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Về yêu cầu, bà Q rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu V1. Vì vậy, bà Q yêu cầu được ly hôn với ông V; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V1; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi dạy cháu V1; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, bà Q không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Q và ông V kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q, ông V hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V có quan hệ với người phụ

nữ khác, có con riêng. Vợ chồng không còn sống chung từ thời gian đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông V.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Q và ông V chủ yếu từ việc ông V có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường bất hòa và không còn sống chung từ tháng 6/2021 cho đến nay. Vợ chồng không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Q và ông V đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Cho nên, bà Q yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Q, giao cháu V1 cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, theo đơn khởi kiện, bà Q yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Q rút lại yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này.

Về tài sản chung, nợ chung, do bà Q không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông V; bà Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo V1; ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chỉ yêu cầu của bà Q về cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Lê Thị Tú Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Trần V. Đồng thời, ông V cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Trần V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Bà Q và ông V tự nguyện kết hôn vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Q xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông V có quan hệ với người phụ nữ khác, có con riêng. Bà Q, ông V không còn sống chung từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà Q và ông V thường xuyên cãi vã và không còn sống chung từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông V nhưng ông V không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Q. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Q, ông V là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Q xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 01/02/2021. Bà Q yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà Q chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu V1 cho bà Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, theo đơn khởi kiện, bà Q yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi dạy con chung theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử tại phiên tòa, bà Q tự nguyện rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bị rút theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tú Q về yêu cầu ông Lê Trần V cấp dưỡng nuôi dạy con chung theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tú Q.

2.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tú Q được ly hôn với ông Lê Trần V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 22/01/2020 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Thị Tú Q và ông Lê Trần V không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung:

Bà Lê Thị Tú Q được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 01/02/2021. Ông Lê Trần V không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị Tú Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Trần V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Tú Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012560 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 10 năm 2022; bà Lê Thị Tú Q đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Trần V không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Tú Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Trần V được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**